

Bản án số: 01/2020/DSST
Ngày 09 - 6 - 2020
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất
và yêu cầu hủy quyết định cấp
giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Thạch

2. Bà Nguyễn Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Hương Thùy

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:

Bà Lâm Thị Thanh Thảo - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 09 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2018/TLST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2019 về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Lâm nghiệp V1 thuộc Tổng Công ty giấy Việt Nam.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Đức G; Chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách;
Địa chỉ: Thôn K1, xã H, huyện B, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Sùng Seo L; Địa chỉ: Thôn K2, xã Đ1, huyện B, tỉnh Hà Giang.
Có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Cao Xuân B - Luật sư của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Hà Giang. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn S; Chức vụ: Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn N; Chức vụ: Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn Công ty Lâm nghiệp V1 trình bày: Công ty Lâm nghiệp V1 (Tiền thân là Lâm trường V1) là doanh nghiệp nhà nước được thành lập năm 1961 với nhiệm vụ là trồng, chăm sóc, bảo vệ và khai thác rừng trồng nguyên liệu giấy theo kế hoạch của Tổng công ty giấy Việt Nam.

Năm 1999 Công ty được UBND tỉnh Hà Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất đối với đất rừng sản xuất với tổng diện tích là 4.907,88 ha theo Quyết định số 2821/UB-QĐ ngày 27/12/1999 của UBND tỉnh Hà Giang về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Lâm trường V1 đóng trên địa bàn huyện B, tỉnh Hà Giang. Đến năm 2010, UBND tỉnh Hà Giang ban hành quyết định số 1379/QĐ-UBND ngày 13/5/2010 về việc thu hồi một phần diện tích đất tại các xã: H, Đ1, T, V1 và thị trấn V2 giao cho người dân sử dụng, một phần diện tích còn lại 3.835,06 ha chuyển hình thức từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất cho Công ty Lâm nghiệp V1. Năm 2010, Công ty có trồng rừng Keo tại 4 lô (gồm các lô 11,13,14,15 tại khoảnh 22/440) thuộc đội 5 với tổng diện tích 6,6 ha. Năm 2018, sau khi Công ty tiến hành khai thác xong và đưa diện tích đất 6,6 ha vào kế hoạch trồng rừng mới thì hộ ông Sùng Seo L đã tự ý lấn chiếm trồng rừng Keo trên diện tích của 3 lô gồm lô 11, 14, 15 (Không có lô 13 theo bản đồ thiết kế trồng rừng năm 2018). Diện tích đất 6,6 ha đã được nhà nước giao cho Công ty quản lý ổn định lâu dài và nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 501853 ngày 27/12/1999 (thuộc tờ bản đồ số 66- B.c.2, 66- B.c.4), không nằm trong phần diện tích đất mà UBND tỉnh Hà Giang thu hồi cắt trả cho chính quyền địa phương theo quyết định số 1379/QĐ-UBND ngày 13/5/2010. Công ty đã có đơn đề nghị gửi UBND xã Đ1, huyện B giải quyết, UBND xã đã xác minh thực tế và có kết luận diện tích đất trên thuộc quyền quản lý, sử dụng của Công ty Lâm nghiệp V1. Tuy nhiên gia đình ông L không nhất trí trả lại và sử dụng diện tích đất trên để trồng rừng Keo.

Vì vậy, Công ty Lâm nghiệp V1 khởi kiện yêu cầu ông Sùng Seo L trả lại diện tích đất 6,6 ha cho Công ty Lâm nghiệp V1 và yêu cầu ông L di chuyển, tháo dỡ toàn bộ tài sản trên đất để trả lại đất cho Công ty.

- Tại các Đơn đề nghị ngày 26/7/2018, ngày 19/6/2019 và quá trình tố tụng bị đơn ông Sùng Seo L trình bày: Về diện tích đất rừng tranh chấp gồm các lô 11, 13, 14, 15 tại khoảnh 440 địa chỉ đất tại thôn K2, xã Đ1, huyện B, tỉnh Hà Giang có tổng diện tích là 6,6 ha như Lâm trường V1 đã trình bày. Ông L cho rằng nguồn gốc đất

nêu trên do ông L khai hoang từ năm 1985 trồng lúa nương, đến năm 1996 ông L trồng cây Bồ Đề trên diện tích đất này. Năm 2008, ông L bán cây cho ông Lê Xuân C (đội trưởng đội 5 Lâm trường V1, địa chỉ xã H, huyện B), quá trình mua bán không có giấy tờ mua bán (trao đổi bằng miệng) với giá là 7 triệu đồng. Đến cuối năm 2009, Lâm trường V1 vào tiến hành khai thác toàn bộ số cây trên. Sau khi khai thác xong, Lâm trường cho công nhân vào tiến hành trồng rừng, gia đình có can thiệp không cho trồng nhưng Công ty vẫn tiến hành trồng cây. Đến năm 2017, Lâm trường khai thác xong, thì gia đình ông L tiếp tục phát, đốt để tái trồng cây. Sau khi phát đốt xong thì Lâm trường V1 đề nghị xã vào làm việc với gia đình ông, không cho trồng cây và xã mời ông L ra xã hòa giải 2 lần nhưng không thành. Sau đó Lâm trường làm đơn khởi kiện tại Tòa án, ông L không nhất trí trả lại đất cho Lâm trường V1, ông L yêu cầu hủy một phần Quyết định số 2821/UB-QĐ ngày 27/12/1999 của UBND tỉnh Hà Giang về việc cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho Lâm trường V1 đối với phần diện tích đang tranh chấp vì UBND tỉnh đã cấp đất cho Lâm trường V1 theo tờ bản đồ số 66-B.c.2 không đúng quy định của pháp luật, chồng lên diện tích mà ông L đã trồng rừng.

- Tại công văn số 3393/UBND-NCPC ngày 23/10/2019, văn bản ý kiến ngày 04/6/2020 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND tỉnh Hà Giang có ý kiến:

Về yêu cầu của nguyên đơn: Công ty Lâm nghiệp V1 khởi kiện yêu cầu ông Sùng Seo L trả lại 6,6 ha đất rừng thuộc các lô 11, 13, 14, 15, khoảng 22/440 theo hồ sơ các lô thiết kế trồng rừng do Công ty thiết kế để trồng rừng. Thấy rằng vị trí đất tranh chấp tại các các lô, khoảnh nêu trên do Công ty Lâm nghiệp V1 xác định không có trên các giấy tờ pháp lý về đất đai UBND tỉnh Hà Giang giao cho Công ty Lâm nghiệp V1 (Số ký hiệu các lô, khoảnh này là do Công ty Lâm nghiệp V1 tự thiết kế để trồng rừng). Tuy nhiên, về thực tế diện tích đất mà nguyên đơn Công ty Lâm nghiệp V1 yêu cầu ông L trả là một phần diện tích đất thuộc lô 16, khoảnh 440, tờ bản đồ thu hồi đất và điều chỉnh diện tích cho Công ty Lâm nghiệp V1 thuê (Quyết định số 1379/QĐ-UBND ngày 13/5/2010) nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 501583 do UBND tỉnh cấp cho Công ty Lâm nghiệp V1 ngày 27/12/1999. Vì vậy, Công ty Lâm nghiệp V1 yêu cầu ông Sùng Seo L trả toàn bộ diện tích đất có tranh chấp khoảng 6ha cho Công ty Lâm nghiệp V1 là có căn cứ. Cụ thể:

Năm 1999, UBND tỉnh Hà Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Lâm trường V1 (Nay là Công ty Lâm nghiệp V1), với diện tích 4.907,88 ha, tại các xã V1, H, T và Đ2. Theo địa giới cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty nêu trên thì phần diện tích đang tranh chấp giữa Công ty Lâm nghiệp V1 và hộ ông Sùng Seo L thuộc xã Đ2 (Nay là xã Đ1, huyện B theo Nghị định 146/NĐ-CP ngày 01/12/2003 của Chính Phủ) nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 501583 do UBND tỉnh cấp cho Công ty Lâm nghiệp V1 ngày 27/12/1999; vị trí thuộc tờ bản đồ số 66-BC-4.

Căn cứ Sổ tổng hợp, rà soát đất của Lâm trường V1 năm 1999 (Nay là Công ty Lâm nghiệp V1); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 501583 do UBND tỉnh cấp cho Lâm trường V1 ngày 27/12/1999 cho thấy vị trí đất khu đất tranh chấp thuộc Đội 5, Lâm trường V1 xã Đ2 (Nay là thôn K2, xã Đ1, huyện B) tờ bản đồ số 66-B-C-4 tại lô số 16 khoảnh 440 diện tích 69 ha (*Có trích danh sách rà soát đất lâm trường năm 1999 kèm theo*).

Căn cứ Quyết định số 1379/QĐ-UBND ngày 13/5/2010 của UBND tỉnh Hà Giang về việc thu hồi đất và chuyển hình thức từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất cho Công ty Lâm nghiệp V1 (thuộc Tổng Công ty giấy Việt Nam) thì vị trí tranh chấp thuộc lô 16 khoảnh 440 tờ bản đồ thu hồi đất và điều chỉnh diện tích cho Công ty Lâm nghiệp V1 thuê (Kèm theo Quyết định số 1379/QĐ-UBND) diện tích sau điều chỉnh là 62,1ha.

Đối với yêu cầu của bị đơn ông Sùng Seo L yêu cầu hủy một phần Quyết định số 2821/UB-QĐ ngày 27/12/1999 của UBND tỉnh Hà Giang là không có căn cứ, UBND tỉnh Hà Giang ban hành Quyết định số 2821/UB-QĐ ngày 27/12/1999 về việc cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho Lâm trường V1 đảm bảo đúng thẩm quyền, trình tự, đúng quy định của pháp luật. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu của ông L, giữ nguyên Quyết định cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho Công ty Lâm nghiệp V1.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 06/5/2020: Theo sự dẫn dắt của nguyên đơn tại thực địa kết quả đo đạc xác định diện tích là 93.292m². Qua chồng ghép đối chiếu với bản đồ thu hồi và điều chỉnh diện tích đất cho Công ty Lâm nghiệp V1 theo Quyết định 1379/QĐ-UBND ngày 13/5/2010 của UBND tỉnh Hà Giang xác định phần diện tích đất tranh chấp thuộc một phần đất lô 3 và lô 16 khoảnh 440, lô 31 khoảnh 339.

Đối chiếu theo bản đồ thiết kế trồng rừng năm 2010 và bản đồ thiết kế khai thác trồng rừng nguyên liệu giấy của Công ty Lâm nghiệp V1. Xác định phần diện tích đất tranh chấp thuộc các lô 11, 13, 14, 15 khoảnh 22/440.

Đối chiếu theo bản đồ thiết kế trồng rừng năm 2018 là các lô 11, 14, 15 khoảnh 53/440.

Lô 11, 13 khoảnh 22/440 bản đồ thiết kế trồng rừng năm 2010 và bản đồ thiết kế khai thác trồng rừng nguyên liệu giấy của Công ty Lâm nghiệp V1 nay là lô 11 khoảnh 53/440 theo bản đồ thiết kế trồng rừng năm 2018 của Công ty Lâm nghiệp V1.

Diện tích đất tại lô 11 là 3,2ha; lô 14 là 2,0 ha; lô 15 là 1,4 ha được xác định tại các đỉnh từ 1 đến 44. Có tứ cận tiếp giáp với đất trồng rừng của Công ty Lâm nghiệp V1 (Có bản tọa độ đỉnh các lô kèm theo). Trong đó tại lô 11 khoảnh 53/440 bản đồ thiết kế trồng rừng năm 2018 của Công ty Lâm nghiệp V1 có một phần diện tích là 4.106,2m² đã thu hồi theo Quyết định 1379/QĐ-UBND ngày 13/5/2010 của UBND tỉnh Hà Giang tại các vị trí A, B, C, 2, 3.

Tình trạng tài sản trên đất: Trên diện tích đất tranh chấp đã trồng rừng, hiện trạng rừng là rừng thuần loài, loài cây trồng là cây Keo tai tượng hạt nội, số lượng cây là 2000 cây/ha.

Kết quả định giá tài sản ngày 06/5/2020 xác định:

- Về giá trị đất tại các thôn thuộc xã Đ1 là 15.000đ/m². Tổng giá trị của 66.000m² đất x 15.000đ/m² = 990.000.000 đồng (*Chín trăm chín mươi triệu đồng*).

- Xác định số lượng cây Keo tai tượng hạt nội: Hội đồng định giá sử dụng phương pháp chọn mẫu đại diện tính trên diện tích 100 m² cây đã trồng thực tế và kiểm đếm thực tế. Kết quả kiểm đếm là có 20 cây/100m², suy ra mật độ cây trồng thực tế bình quân là 2.000 cây/ha. Tổng số cây trên diện tích đất tranh chấp là 6,6ha x 2.000 cây/ha = 13.200 cây. Đường kính cây xác định giao động từ 6 đến 10cm.

Tổng giá trị của 13.200 cây x 20.000 đồng/cây = 264.000.000 đồng (*Hai trăm sáu mươi tư triệu đồng*).

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu khởi kiện. Đối với toàn bộ cây Keo tai tượng hạt nội trên diện tích đất tranh chấp, nguyên đơn nhất trí tiếp tục sử dụng và trả giá trị bằng tiền cho ông L nếu ông L trả lại toàn bộ diện tích đất tranh chấp; Bị đơn giữ nguyên quan điểm không nhất trí yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giữ nguyên yêu cầu hủy một phần Quyết định 2821/UB-QĐ ngày 27/12/1999 của UBND tỉnh Hà Giang về việc cấp giấy chứng nhận QSD đất cho Lâm trường V1 đối với phần diện tích đất có tranh chấp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn xác nhận diện tích đất tranh chấp Công ty Lâm nghiệp V1 đã được cấp giấy chứng nhận năm 1999. Tuy nhiên, UBND tỉnh Hà Giang cấp giấy chứng nhận QSD đất cho Lâm trường là không đúng, vì thực tế ông L đã di cư đến khai hoang từ năm 1985 để trồng lúa, trồng sắn. Đến năm 2010 Lâm trường mới trồng rừng, như vậy trong khoảng thời gian dài Lâm trường không sử dụng diện tích đất hiện đang tranh chấp, vì vậy bị đơn ông Sùng Seo L không nhất trí giao trả diện tích đất tranh chấp cho Lâm trường, không nhất trí tháo dỡ toàn bộ số cây keo trên đất tranh chấp. Đối với Quyết định 2821/UB-QĐ ngày 27/12/1999 của UBND tỉnh Hà Giang về việc cấp giấy chứng nhận QSD đất cho Lâm trường không đúng thẩm quyền, hình thức, nội dung không đúng do chỉ dựa trên cơ sở rà soát trên bản đồ nên đã cấp giấy chứng nhận chồng lấn lên diện tích đất ông L đang sử dụng. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu của ông L về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định 2821/UB-QĐ ngày 27/12/1999 của UBND tỉnh Hà Giang về việc cấp giấy chứng nhận QSD đất cho Lâm trường đối với phần diện tích đất có tranh chấp.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 266, Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 115; Điều 158; Điều 161 Bộ luật dân sự; Luật đất đai năm 1993; Luật đất đai năm 2013 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Lâm nghiệp V1. Buộc ông L trả diện tích đất 61.893,8m² thuộc lô số 3, lô 16 khoảnh 440 trùng khớp với các lô 11, 14, 15 theo Bản đồ thiết kế trồng rừng năm 2018 của Lâm trường V1 (Có sơ đồ kèm theo).

Về tài sản trên đất tranh chấp là toàn bộ số cây keo do ông L trồng từ năm 2018 đến nay chưa đến tuổi khai thác, phía Công ty Lâm nghiệp V1 có thiện chí tiếp tục sử dụng, nhất trí trả giá trị bằng tiền cho ông L. Vì vậy, đề nghị ghi nhận việc Công ty Lâm nghiệp V1 trả giá trị cây Keo trên đất theo kết quả định giá ngày 06/5/2020 cho ông Sùng Seo L.

Đối với yêu cầu của ông L yêu cầu hủy một phần Quyết định 2821/UB-QĐ ngày 27/12/1999 của UBND tỉnh Hà Giang về việc cấp giấy chứng nhận QSD đất cho Lâm trường V1 là không có căn cứ. Quá trình giải quyết vụ án ông L không cung cấp được một trong các loại giấy tờ chứng minh về việc ông có quá trình sử dụng ổn định, lâu dài hoặc một trong các giấy tờ về việc ông được Nhà nước giao quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 49, Điều 50 Luật đất đai năm 2003; Điều 101 Luật đất đai năm 2013, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Về án phí: Ông L là người cao tuổi, đã có đơn xin miễn án phí. Vì vậy, đề nghị miễn toàn bộ án phí cho ông L theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về chi phí tố tụng: Ông L phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn Công ty Lâm nghiệp V1 yêu cầu ông Sùng Seo L trả diện tích 6,6ha đất rừng cho Công ty Lâm nghiệp V1, bị đơn ông Sùng Seo L yêu cầu hủy một phần Quyết định số 2821/UB-QĐ ngày 27/12/1999 của UBND tỉnh Hà Giang cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho Lâm trường V1 đối với phần diện tích đang tranh chấp. Vì vậy xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy quyết định cá biệt, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang theo quy định tại Điều 26, Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

[2] Xét yêu cầu của Công ty Lâm nghiệp V1 về việc yêu cầu ông L trả diện tích đất 6,6ha đất rừng tại thôn K2, xã Đ1, huyện B, tỉnh Hà Giang (Tại phiên tòa diện tích đất tranh chấp nguyên đơn xác định theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 06/5/2020 là 6,6 ha = 66.000m² - 4.106,2m² đã thu hồi theo Quyết định 1379/QĐ-UBND ngày 13/5/2010 của UBND tỉnh Hà Giang = 61.893,8m²) là có căn cứ bởi lẽ:

[3] Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 501853 do UBND tỉnh Hà Giang cấp cho Lâm trường V1 (Công ty Lâm nghiệp V1) ngày 27/12/1999 với diện tích 4.907,88 ha đất tại các xã V, H, T, Đ2, huyện B, tỉnh Hà Giang; Quyết định số 2821/UB-QĐ ngày 27/12/1999 của UBND tỉnh Hà Giang về việc cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho Lâm trường V1 (Có danh sách các Đội 3, Đội 4, Đội 5, Đội 6, Đội 7, Đội 9, Đội 11), trong đó vị trí đất Đội 5 thuộc tờ bản đồ số 66 - B-C.4 và tờ bản đồ số 66 - B-C.2; Theo sổ tổng hợp rà soát đất Công ty Lâm nghiệp V1 năm 1999 tại Đội 5- Lâm trường V1, xã Đ2 (Nay là xã Đ1, huyện B theo Nghị định 146/NĐ-CP ngày 01/12/2003 của Chính Phủ), diện tích đất thuộc lô số 16, khoảnh 440 tờ bản đồ số 66- B-C.4 có diện tích 62 ha, sau khi rà soát có diện tích 69 ha. Diện tích đất thuộc lô số 3, khoảnh 440 tờ bản đồ số 66- B-C.2 có diện tích 2,9 ha, sau khi rà soát có diện tích 3,8 ha.

[4] Toàn bộ diện tích đất yêu cầu ông L trả 61.893,8m² thuộc các lô 11, 14, 15 khoảnh 22/440 (Số ký hiệu các lô, khoảnh này do Công ty Lâm nghiệp V1 tự thiết kế trồng rừng). Thực tế vị trí diện tích đất tranh chấp là một phần diện tích thuộc lô 3 và lô 16 khoảnh 440 thuộc tờ bản đồ số 66- B-C.2, tờ bản đồ 66- B-C.4, Công ty Lâm nghiệp V1 đã được cấp Giấy chứng nhận QSD đất số O 501583 do UBND tỉnh Hà Giang cấp ngày 27/12/1999 theo Quyết định số 2821/UB-QĐ ngày 27/12/1999 của UBND tỉnh Hà Giang.

[5] Bị đơn ông Sùng Seo L cho rằng diện tích đất rừng tranh chấp gồm các lô 11, 13, 14, 15 tại khoảnh 440 có diện tích là 6,6 ha do ông L khai hoang từ năm 1985, ông L xác nhận ông chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất, chưa làm thủ tục kê khai để cấp giấy chứng nhận QSD đất theo quy định và không có giấy tờ chứng minh về quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai. Vì vậy, không có căn cứ xác định diện tích đất nêu trên thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của ông L theo quy định của Luật đất đai.

[6] Buộc ông L phải giao diện tích đất 61.893,8m² tại thôn K2, xã Đ1, huyện B, tỉnh Hà Giang cho Công ty Lâm nghiệp V1. Có tứ cận tiếp giáp với đất trồng rừng của Công ty Lâm nghiệp V1, các điểm cụ thể: Lô số 11 tại các đỉnh: 1, C, B, A, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16 khép về đỉnh 1; Lô số 14 tại các đỉnh: 10, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 11 khép về đỉnh 10; Lô số 15 tại các đỉnh: 20, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 25, 24, 23, 22, 21 khép về đỉnh 20 (Có sơ đồ mốc giới đỉnh các lô theo bản đồ thiết kế trồng rừng 2018 của Lâm trường V1 và bản tọa độ đỉnh các lô kèm theo).

[7] Đối với toàn bộ cây cối, cây Keo tai tượng hạt nội trên diện tích đất tranh chấp. Căn cứ theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và kết quả định giá tài sản xác định tổng số cây trên diện tích đất tranh chấp là 20 cây/100m² (Tức là 01 cây/5m²), như vậy diện tích đất tranh chấp là 61.893,8m² = 12.379 cây. Tổng giá trị của 12.379 cây x 20.000 đồng/cây = 247.580.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng*). Xét thấy do số cây trồng hiện tại chưa đến tuổi khai thác, trường hợp buộc ông L phải tháo dỡ toàn bộ số cây Keo đã trồng trên diện tích đất tranh chấp để giao đất cho Công ty Lâm nghiệp V1 gây thiệt hại về kinh tế cho ông L và phía nguyên đơn cũng nhất trí tiếp tục sử dụng số cây trên đất tranh chấp, nhất trí trả giá trị bằng tiền đối với toàn bộ số cây Keo cho ông L nếu ông L trả lại toàn bộ diện tích đất tranh chấp. Vì vậy, giao toàn bộ cây trên đất tranh chấp cho Công ty Lâm nghiệp V1 tiếp tục quản lý, sử dụng. Công ty Lâm nghiệp V1 trả giá trị tài sản trên đất (Toàn bộ cây Keo) là 247.580.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng*) cho ông Sùng Seo L.

[8] Đối với yêu cầu của bị đơn ông Sùng Seo L về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định số 2821/UB-QĐ ngày 27/12/1999 của UBND tỉnh Hà Giang về việc cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho Lâm trường V1 (Đối với phần diện tích đang tranh chấp). Xét thấy, về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định đúng thẩm quyền quy định tại Điều 24 Luật đất đai năm 1993; Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 1994; Nghị định số 163/1999/NĐ-CP ngày 16/11/1999 của Chính phủ về việc giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp. Ngoài ra như đã nhận định trên (Đoạn [3], [4]) toàn bộ diện tích đất 61.893,8m² tại lô 16 khoảnh 440 (thôn K2, xã Đ) Công ty Lâm nghiệp V1 đã được cấp Giấy chứng nhận QSD đất, bị đơn ông L không có chứng cứ chứng minh về quyền sử dụng đất, không có căn cứ xác định diện tích đất nêu trên thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của ông L, do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông L về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định số 2821/UB-QĐ ngày 27/12/1999 của UBND tỉnh Hà Giang.

[9] Về chi phí thẩm định, định giá: Ông Sùng Seo L phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 8.300.000đ và chi phí định giá là 2.500.000đ. Tổng cộng: 10.800.000đ (*Mười triệu tám trăm nghìn đồng*). Do Công ty Lâm nghiệp V1 đã tạm ứng toàn bộ chi phí, vì vậy ông L phải trả cho Công ty Lâm nghiệp V1 số tiền 10.800.000đ (*Mười triệu tám trăm nghìn đồng*).

[10] Về án phí: Ông Sùng Seo L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuy nhiên ông L có đơn xin miễn án phí với lý do là người cao tuổi, sống ở vùng kinh tế khó khăn. Xét thấy ông L là người cao tuổi thuộc đối tượng miễn nộp theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, vì vậy miễn nộp toàn bộ án phí cho ông L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 26, Điều 34; khoản 3 Điều 144; Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 32 Luật tổ tụng hành chính; Điều 24 Luật Đất đai 1993; Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 1994; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Lâm nghiệp V1.

Buộc ông Sùng Seo L giao diện tích đất 61.893,8m² tại thôn K2, xã Đ1, huyện B, tỉnh Hà Giang cho Công ty Lâm nghiệp V1. Có tứ cận tiếp giáp với đất trồng rừng của Công ty Lâm nghiệp V1, các điểm cụ thể: Lô số 11 tại các đỉnh: 1, C, B, A, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16 khép về đỉnh 1; Lô số 14 tại các đỉnh: 10, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 11 khép về đỉnh 10; Lô số 15 tại các đỉnh: 20, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 25, 24, 23, 22, 21 khép về đỉnh 20 (*Có sơ đồ mốc giới đỉnh các lô theo bản đồ thiết kế trồng rừng 2018 của Lâm trường V1 và bản tọa độ đỉnh các lô kèm theo*).

Giao cho Công ty Lâm nghiệp V1 quản lý, sử dụng toàn bộ cây cối, cây Keo tai tượng hạt nội trên diện tích đất 61.893,8m² tại thôn K2, xã Đ1, huyện B, tỉnh Hà Giang nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số số O 501853 do UBND tỉnh Hà Giang cấp cho Lâm trường V1 (Công ty Lâm nghiệp V1) ngày 27/12/1999.

Công ty Lâm nghiệp V1 trả cho ông Sùng Seo L giá trị tài sản trên đất (toàn bộ cây Keo) với số tiền 247.580.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng*).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Sùng Seo L về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định số 2821/UB-QĐ ngày 27/12/1999 của UBND tỉnh Hà Giang về việc cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho Lâm trường V1 (Đối với phần diện tích đang tranh chấp).

3. Về chi phí Thẩm định, định giá: Ông Sùng Seo L phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản là 10.800.000đ (*Mười triệu tám trăm nghìn đồng*). Do Công ty Lâm nghiệp V1 đã tạm ứng toàn bộ chi phí, vì vậy ông L phải trả cho Công ty Lâm nghiệp V1 số tiền 10.800.000đ (*Mười triệu tám trăm nghìn đồng*).

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí cho bị đơn ông Sùng Seo L.

Trả lại cho Công ty Lâm nghiệp V1 số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Hà Giang theo biên lai số 0000639 ngày 06 tháng 12 năm 2018.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn, bị đơn có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Vân